

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BIÊN HÒA



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 10 tháng 03 năm 2016

BIÊN BẢN HỌP BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

1. Thời gian: 9h00' ngày 10 tháng 03 năm 2016
2. Địa điểm: Công ty cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA)
3. Thành phần tham dự:

– Ông Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban
– Ông Lê Trọng Dung	Ủy viên
– Ông Hồ Duy Khải	Ủy viên
4. Nội dung cuộc họp:
 - Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch năm 2015;
 - Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành;
 - Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn năm 2015;
 - Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính năm 2015 nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.

Cuộc họp kết thúc lúc 11h00' ngày 10 tháng 03 năm 2016.

Các thành viên dự họp nhất trí 100% với Báo cáo Ban kiểm soát năm 2015.

ỦY VIÊN

Lê Trọng Dung

Hồ Duy Khải

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Phước Hải

*Biên Hòa, ngày 10 tháng 03 năm 2016***BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015**

Ban kiểm soát công ty cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA) trân trọng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2015 như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS):**1. Về nhân sự:**

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA) năm 2015 có sự thay đổi như sau:

Từ ngày 01/01/2015 đến 15/04/2015 bao gồm 02 thành viên:

1. Ông Nguyễn Minh Huy Trưởng ban;
2. Ông Hồ Duy Khải Thành viên.

Kể từ ngày 15/04/2015 Ông Nguyễn Minh Huy – Trưởng Ban kiểm soát đã có đơn từ nhiệm để nhận nhiệm vụ mới và đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2015 nhất trí thông qua.

Ngày 15/04/2015 Đại hội đồng cổ đông năm 2015 đã bầu bổ sung 2 thành viên Ban kiểm soát gồm ông Nguyễn Phước Hải và ông Lê Trọng Dung. Ban kiểm soát mới đã họp và nhất trí như sau:

1. Ông Nguyễn Phước Hải Trưởng ban
2. Ông Lê Trọng Dung Thành viên
3. Ông Hồ Duy Khải Thành viên

2. Về hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2015

– Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện kế hoạch năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

– Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành;

– Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn năm 2015;

– Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính năm 2015 nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.

3. Về chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2015

Trong năm 2015 đã chi trả thù lao cho các thành viên BKS như sau :

- Ông Nguyễn Minh Huy: Thù lao quý 1/2015 là 24.000.000 đồng
- Các thành viên khác của BKS trong năm 2015 đều làm việc trực tiếp tại công ty, được công ty trả lương tháng nên không có thù lao.

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Về tình hình tài chính năm 2015:

ĐVT : Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Chênh lệch CK so với ĐK	
				Giá trị	Tỉ lệ
A	B	1	2	3 = 1 - 2	4 = 3 / 2
A	<u>TỔNG TÀI SẢN</u>	<u>347.106</u>	<u>494.132</u>	<u>(147.231)</u>	<u>-29,80%</u>
I	<u>Tài sản ngắn hạn</u>	<u>258.698</u>	<u>391.941</u>	<u>(133.243)</u>	<u>-34,00%</u>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	70.869	32.084	38.785	120,89%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			0	
3	Các khoản phải thu	21.810	142.772	(120.962)	-84,72%
4	Hàng tồn kho	164.173	215.380	(51.207)	-23,78%
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.846	1.705	141	8,27%
II	<u>Tài sản dài hạn</u>	<u>88.408</u>	<u>102.191</u>	<u>(13.988)</u>	<u>-13,69%</u>
1	Phải thu dài hạn			0	
2	Tài sản cố định hữu hình	85.277	98.779	(13.502)	-13,67%
3	Tài sản dở dang dài hạn	952	1.438	(486)	-33,80%
4	Tài sản dài hạn khác	2.179	1.974	205	10,39%
B	<u>TỔNG NGUỒN VỐN</u>	<u>347.106</u>	<u>494.132</u>	<u>(147.026)</u>	<u>-29,75%</u>
I	<u>Nợ phải trả</u>	<u>122.395</u>	<u>302.762</u>	<u>(180.367)</u>	<u>-59,57%</u>
1	Nợ ngắn hạn	122.395	300.757	(178.362)	-59,30%
2	Nợ dài hạn		2.005	(2.005)	-100,00%
II	<u>Nguồn vốn chủ sở hữu</u>	<u>224.711</u>	<u>191.370</u>	<u>33.341</u>	<u>17,42%</u>
1	Vốn chủ sở hữu	224.711	191.370	33.341	17,42%
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác				

Nhận xét:

1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền: Cuối kỳ so với đầu kỳ tăng 20,89%. Số dư ngày 31/12/2015 là 70.869 triệu đồng, trong đó tiền mặt là 149 triệu đồng, tiền gửi ngân hàng là 70.720 triệu đồng, không có tiền gửi có kỳ hạn, tồn quỹ tiền mặt phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

1.2. Tình hình các khoản phải thu, các khoản phải trả :

1.2.1 Các khoản phải thu: Cuối kỳ so với đầu kỳ giảm 84,72%. Số dư các khoản phải thu đến ngày 31/12/2015 là 21.810 triệu đồng. Trong đó :

- a/ Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng là: 21.643 triệu đồng
 - b/ Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn là: 1.924 triệu đồng.
 - c/ Các khoản phải thu ngắn hạn khác là: 220 triệu đồng
 - d/ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là: - 1.977 triệu đồng
- Cộng 21.810 triệu đồng**

Chi tiết như sau:

- a/ Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng đến 31/12/2015 là: 21.643 triệu đồng

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Dư nợ 31/12/2015
1	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL	12.951
2	Công ty CP Đầu tư XD Miền Nam	3.675
3	Công ty Thép Tây Đô	2.626
4	Công ty TNHH Hải Tín	734
5	DNTN Mười Thanh	140
6	Công ty TNHH MTV Tuần Thành Phát	349
7	Công ty TNHH VLXD Thành Trung	836
8	Các khách hàng khác	332
	Cộng	21.643

Trong các khoản phải thu ngắn hạn nói trên, công ty cần lưu ý đến dư nợ của các khách hàng sau:

- Công ty TNHH Hải Tín dư nợ 734 triệu đồng là số tiền còn lại của việc bồi thường vỏ chai oxy.
- DNTN Mười Thanh dư nợ 140 triệu đồng là số tiền còn lại của việc bồi thường vỏ chai oxy, công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi 100%.
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Miền Nam dư nợ 3.675 triệu, công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi 50%.

b/ Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn đến 31/12/2015 là: 1.924 triệu đồng.

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Dư nợ 31/12/2015
1	Công ty TNHH TM An Cường	930
2	Công ty cổ phần Ngọc Tích Đồng Nai	49
3	Chi nhánh Công ty TNHH Hăng Kiểm Toán AASC	37
4	Công ty TNHH Thương Mại Tùng Thịnh	792
5	Công ty TNHH kỹ thuật TM Thiên Trường	69
6	Công ty TNHH MTV Nguyễn Thái Phong	47
	Cộng	1.924

Trong các khoản trả trước cho người bán nói trên, cần lưu ý đến dư nợ của công ty CP Ngọc Tích Đồng Nai số tiền 49.390.000 đồng là khoản tiền ứng trước 50% cho Hợp đồng số 20/HDKT-MT-2014 ngày 19/05/2014 v/v lập hồ sơ hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành cho công ty theo quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 27/05/2013 và lập hồ sơ xin cấp phép xả nước thải vào nguồn nước công suất 80m³/ngày với tổng GTHĐ là 98,780 triệu đồng

c/ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đến 31/12/2015 là: - 1.977 triệu đồng
 Trong đó: - Dự phòng phải thu khó đòi của DNTN Mười Thanh - 140 triệu đồng
 - Dự phòng phải thu khó đòi của Cty CP ĐTXD MN - 1.837 triệu đồng

1.2.2 Nợ phải trả :

a/ Phải trả người bán ngắn hạn đến ngày 31/12/2015 là 15.544 triệu đồng, chi tiết như sau:

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Nợ phải trả đến 31/12/2015	Ghi chú
1	Chi nhánh Công Ty cổ phần kim khí Hà Nội	470	
2	Công ty Xăng Dầu Khu Vực II-TNHH Một thành viên	369	
3	Công ty TNHH MTV Cấp Nước Đồng Nai	177	
4	CN tại TP.HCM Công ty CP Matexim Hải Phòng	433	
5	Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	3.617	
6	Công ty CP TM DV XNK Hoàng Tấn Phát	1.722	
7	Công ty TNHH Máy cán Việt	257	
8	Công ty TNHH MTV Bảo Ngọc Thụ	327	
9	Công ty TNHH MTV Thảo Hải Phát	370	
10	Công ty TNHH MTV Hoàng Bảo Phát	2.842	
11	Công ty TNHH CKTM Lê Duyên Anh	667	
12	Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Luyện Kim	206	
13	Công Ty Cổ Phần Tân Thành Mỹ	309	
14	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	675	
15	Công ty CP ĐTXD Miền Nam	1.286	
16	Các khách hàng khác	1.817	
	Cộng	15.544	

b/ Khoản vay ngắn hạn đến ngày 31/12/2015 là 85.971 triệu đồng, trong đó:

- Vay NH Đầu tư và phát triển TPHCM 33.799 triệu đồng
- Vay NH Công thương CN 1 TPHCM 24.799 triệu đồng
- Vay NH TMCP Ngoại thương VN – CN Biên Hòa 27.373 triệu đồng

Cộng 85.971 triệu đồng

1.3. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho so với cùng kỳ giảm 23,78%. Giá trị hàng tồn kho đến ngày 31/12/2015 là **165.071 triệu đồng**. Chi tiết như sau:

TT	Nguyên vật liệu	SL tồn kho 31/12/2015 (Tấn)	Đơn giá bình quân (đ/kg)	GT tồn kho 31/12/2015 (Triệu đồng)	Ghi chú
A	B	I	2 = 3 / I	3	4
1	Nguyên liệu chính			34.305	
	<i>Trong đó: - Thép phế liệu</i>	<i>8.534</i>	<i>3.857</i>	<i>32.915</i>	
2	Vật liệu phụ			13.048	
3	Nhiên liệu			7.486	
4	Phụ tùng			11.803	
5	Công cụ dụng cụ			206	
6	Phôi thép	4.503	6.786	30.558	
7	Thép cán	7.910	8.554	67.666	Bao gồm cả hàng gửi bán
	Cộng			165.071	

Căn cứ vào quyết định giá bán tại thời điểm ngày 09/01/2016 công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 898 triệu đồng.

1.4. Thanh lý TSCĐ: Trong năm 2015 đã tiến hành thanh lý các TSCĐ sau :

ĐVT: đồng

TT	Tên TSCĐ thanh lý	Nguyên giá	GTCL	KL dự kiến thu hồi	Phê duyệt
1	Búa đục NPK-H10XB	85.714.286	7.115.905	Bán thu hồi	TGD
2	Hệ thống lọc nước làm nguội LAKOS	413.359.370	63.194.942	Sắt vụn: 0,8T	TGD
3	Máy đóng đai PRHR-114 (2 cái)	260.160.000			TGD
4	Máy đóng đai PRHR-114 (1 cái)	112.152.600			TGD
5	Máy đóng đai PRHR-114 (1 cái)	122.850.000	26.546.897		HDQT
6	Máy photocopy RICOH-FT5632	44.239.500			TGD
7	Máy tính xách tay Sony Vaio VGN - SZ760NC	34.701.000			TGD
8	Máy tính xách tay Fujitsu T2010	37.725.000			TGD
9	Xe tải ben KpAZ 60L 0325	275.853.000		Sắt vụn 2T	TGD
10	Xe tải ben Hyundai 12T 60S 3226	358.500.000	219.083.331	Sắt vụn 2T	HDQT
11	Máy ngắt chân không 7,2 KV-400A (2 cái)	37.648.868			TGD
12	HT chuyển thoi nóng từ ĐLT qua lò nung 25T/h	63.995.270		Sắt vụn 1T	TGD
13	Thiết bị trao đổi nhiệt lò nung	2.268.446.614	1.852.564.733		HDQT
	Cộng	4.115.345.508	2.168.505.808		

TGD
TY
ÂN
HỒ
A)
ĐƠN

1.5. Tài sản ngắn hạn khác: Cuối kỳ so với đầu kỳ tăng 8,27%, là do phát sinh và phân bổ một số công cụ dụng cụ, phụ tùng, chi phí có giá trị lớn sử dụng dưới 12 tháng. Số còn phải phân bổ đến ngày 31/12/2015 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Công cụ dụng cụ, phụ tùng, Chi phí	Số tiền còn phải P.bổ đến 31/12/15
1	Bộ séc măng, van xả, vòng dẫn hướng máy nén oxy	22
2	Tụ điện môi nhiều lớp 1200V/2000KVA-50Hz	131
3	Phí bảo hiểm cháy nổ	140
4	Máy cắt VXC 6312/24-2	133
5	Trục cardan G6-G7	52
6	Trục cán siêu cứng 330 x 600 (4 cái)	607
7	Bánh cán 180/100.65mm (8 cái)	213
8	Vòng bi 313823 - 260RV3801 (4 bộ)	173
9	Khớp nối cardan và trục truyền động	220
10	Nhớt Mobil Vacuoline 5325	155
	Cộng	1.846

1.6. Tài sản dài hạn khác: Cuối kỳ so với đầu kỳ tăng 10,39%, là do phát sinh và phân bổ một số công cụ dụng cụ, phụ tùng, chi phí có giá trị lớn sử dụng trên 12 tháng. Số còn phải phân bổ đến ngày 31/12/2015 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Công cụ dụng cụ, phụ tùng, CPSC	Số tiền còn phải P.bổ đến 31/12/15
1	CP SCL HM Gia cố nhà xưởng cầu trục 50T và 20T PXL	1.533
2	Chi phí SC phòng truyền thống	320
3	Co làm nguội nâng nước (MHB)	16
4	Xy lanh cấp 3 máy nén oxy cao áp	12
5	Phí BH đường bộ xe Toyota Fortuner	12
6	Bộ giải nhiệt cấp 1 PX Oxy	143
7	Bộ giải nhiệt cấp 2 PX Oxy	143
	Cộng	2.179

1.7. Các chỉ số tài chính chủ yếu

TT	Chỉ số	ĐVT	Năm 2015	năm 2014
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	25,47%	19,27%
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	74,53%	80,73%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	35,26%	65,28%
4	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	64,74%	34,72%
5	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,58	0,02
6	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,11	1,25
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	2,73%	0,06%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA (%)	%	11,04%	0,13%
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu ROE (%)	%	17,06%	0,38%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu EPS	VNĐ	2.524	47

Nhìn chung các chỉ số tài chính năm 2015 so với cùng kỳ đều đạt kết quả tốt.

2. Kết quả kinh doanh năm 2015

ĐVT : Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2015	TH 2015	TH 2014	% hoàn thành so với cùng kỳ	% hoàn thành so với KH năm
A	B	1	2	3	4 = 2/3	5 = 2/1
1	Doanh thu thuần	1.748.000	1.401.650	1.633.389	85,81%	80,19%
2	Giá vốn hàng bán		1.301.941	1.577.657	82,52%	
3	Lợi nhuận gộp		99.709	55.732	178,91%	
4	Chi phí bán hàng		14.001	13.037	107,39%	
5	Chi phí QLDN		22.211	19.066	116,50%	
6	Lợi nhuận từ HĐKD		63.497	23.629	268,72%	
7	Doanh thu HĐTC		5.619	2.854	196,88%	
8	Chi phí HĐTC		10.697	19.472	54,94%	
9	Trong đó : chi phí lãi vay		10.634	18.518	57,43%	

10	Lợi nhuận từ HĐTC		(5.078)	(16.618)	30,56%	
11	Thu nhập khác		263	263	100,00%	
12	Chi phí khác		9.470	402	2355,72%	
13	Lợi nhuận khác		(9.207)	(139)	6623,74%	
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	12,820	49.212	6.872	716,12%	383,87%

Nhận xét:

- Doanh thu thuần và giá vốn năm 2015 so với cùng kỳ đều giảm (Doanh thu thuần giảm 14,19%, giá vốn giảm 17,48%) nhưng tỉ trọng giá vốn giảm nhiều hơn, làm cho lợi nhuận gộp tăng mạnh 99,709 tỉ đồng.
- So với cùng kỳ, chi phí bán hàng tăng 7,39%; chi phí QLDN tăng 16,50%; chi phí lãi vay giảm 42,57% trong điều kiện sản lượng tiêu thụ thép cán tăng 17,16%, điều này làm cho lợi nhuận năm 2015 trước thuế đạt 49,212 tỉ đồng.
- Xét tổng chi phí bán hàng, chi phí QLDN và chi phí tài chính:
 - + Năm 2015 là 46.909 triệu đồng, bình quân một tấn sản phẩm thép cán phải chịu 389.157 đồng /1 tấn SP
 - + Năm 2014 là 51.575 triệu đồng, bình quân một tấn sản phẩm thép cán phải chịu 489.624 đồng /1 tấn SP.
 - + Như vậy so với cùng kỳ giảm 100.467 đồng / 1 tấn SP.

3. Đánh giá việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2015

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2015	TH 2015	TH 2014	% hoàn thành so với cùng kỳ	% hoàn thành so với KH năm
A	B	1	2	3	4 = 2/3	5 = 2/1
1	Sản lượng sản xuất					
1.1	Phôi thép (Tấn)	140.000	143.145	142.075	100,75%	102,25%
	- Phôi thép (SX)		129.406	136.230		
	- Phôi thép (Nhận SX)		13.739	5.846		
1.2	Thép cán (Tấn)	120.000	122.578	106.007	115,63%	102,15%
	- Thép cán (SX)		119.705	99.413		
	- Thép cán (Nhận SX)		2.874	6.594		
1.3	Oxy					
	- Thổi lò (m3)	3.000.000	3.508.427	3.361.265	104,38%	116,95%
	- Nạp chai (chai)	180.000	211.991	189.932	111,61%	117,77%
2	Sản lượng tiêu thụ					
2.1	Phôi thép SX bán ngoài(Tấn)	20.000	6.248	29.992	20,83%	31,24%
2.2	Thép cán (Tấn)	120.000	123.414	105.336	117,16%	102,84%
	- Thép cán (SX)		120.540	97.715		
	- Thép cán (Nhận SX)		2.874	7.621		
2.3	Oxy					
	- Thổi lò (m3)		3.508.427	3.361.265	104,38%	
	- Nạp chai (chai)		211.991	189.932	111,61%	



Nhận xét :

- Sản lượng SX phôi thép năm 2015 so với cùng kỳ tăng 0,75%. Sản lượng SX thép cán năm 2015 so với cùng kỳ tăng 15,63%.
- Sản lượng tiêu thụ phôi thép SX bán ngoài năm 2015 so với cùng kỳ giảm 79,17%. Sản lượng tiêu thụ thép cán năm 2015 so với cùng kỳ tăng 17,16%.

4. Tình hình đầu tư, mua sắm TSCĐ và sửa chữa lớn

4.1. Tình hình đầu tư và mua sắm TSCĐ

ĐVT: Triệu đồng					
TT	Hạng mục	Số dư 01/01/15	Phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TS	Số dư đến 31/12/201 5
1	Chi phí thiết kế kế định hướng PX Cán	953			953
2	Lò ủ phôi thép	485	2.247	2.732	0
3	Cụm thu thập thép thanh PX Cán		559	559	0
4	Máy lạnh Daikin 6,5 HP PXL		69	69	0
5	Máy biến áp chỉnh lưu 3500 KVA lò gia nhiệt 2		420	420	0
6	Mâm từ		805	805	0
7	Máy gia công rãnh và khắc trục cán CNC		1.146	1.146	0
8	Xe ô tô Toyota Fortuner 7 chỗ		1.056	1.056	0
9	Cân ô tô 60 tấn PX luyện		120	120	0
		1.438	6.422	6.907	953

Nhận xét:

- CP thiết kế định hướng PX Cán còn treo 953 triệu là do KTNN trong năm 2013 xuất toán ra khỏi chi phí sản xuất, chuyển sang CP XD CB dở dang.
- Hạng mục lò ủ phôi thép đã được Tổng công ty thép VN phê duyệt tại quyết định số 261/QĐ-VNS ngày 22/07/2014 với tổng mức đầu tư là 3 tỉ đồng. Tổng dự toán là 2.948.196.243 đồng đã được Tổng Giám Đốc công ty phê duyệt tại quyết định số 07/QĐ-DT ngày 28/08/2014. Ngày 05/05/2015 đã nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và đã tăng TSCĐ theo thông báo số 02/TB-TCKT ngày 24/08/2015 với giá trị là 2.732.512.688 đồng.
- Cụm thu thập thép thanh PX Cán: Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 05/09/2014. Công ty đã tạm tăng TSCĐ trong năm 2014 là : 1.787.458.339 đồng ngày 01/12/2014 và tăng bổ sung trong quý 1/2015 là : 559.252.274 đồng, chuyển vào chi phí SX 22.975.727 đồng. Tổng cộng tăng TSCĐ là: 2.346.710.613 đồng
- Máy biến áp chỉnh lưu 3500 KVA lò gia nhiệt 2 PX cán công ty chỉ căn cứ vào báo giá của công ty TNHH TM XNK Quốc Tế Nam Trung với giá trị 419.600.000 đồng (chưa có VAT) đã được TGD phê duyệt.
- Mâm từ: Tổng mức đầu tư được phê duyệt 800 triệu đồng, công ty căn cứ vào báo giá của 3 nhà cung cấp để lựa chọn. Đơn vị trúng thầu là công ty TNHH MTV TB DVKT Bách Khoa với giá trúng thầu 805 triệu đồng chưa bao gồm thuế GTGT.

HỌ TÊN
ĐƠN VỊ PH. BIÊN
TÀI
TÀI

- Máy gia công rãnh và khắc trục cán CNC: Tổng mức đầu tư được phê duyệt 1.500 triệu đồng, công ty đã tổ chức chào hàng cạnh tranh, đơn vị trúng thầu là công ty TNHH MTV TB DVKT Bách Khoa với giá trúng thầu 1.260 triệu đồng đã bao gồm thuế GTGT.
- Xe ô tô Toyota Fortuner 7 chỗ: Tổng mức đầu tư được phê duyệt 1.200 triệu đồng, công ty căn cứ báo giá của Công ty TNHH Toyota An Sương với giá chào là : 1.008 triệu đồng đã bao gồm thuế GTGT để duyệt mua. Phần giá trị còn lại là phụ kiện và lệ phí trước bạ.

4.2. Tình hình sửa chữa lớn

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng GT được phê duyệt	Thực hiện	Phê duyệt
1	Hạng mục cụm nắp lò LF	400	225	HĐQT
2	Hạng mục chống dột nhà xưởng, kho 2015	650	645	HĐQT
3	Cải tạo cầu trục 5T lên 7,5T	500	185	HĐQT
4	SCL cổ công buồng đốt CO	450	324	HĐQT
5	SCL mô tơ móc lớn 60T	150	141	HĐQT
6	Xe lớn cầu trục 10T 2 dầm	450	410	TGĐ
7	Sửa chữa cụm giá cán thô	1.150	1.332	HĐQT
8	Sửa chữa gia cố nhà xưởng cầu trục 50T và 20T PXL	3.350	3.066	HĐQT
		7.100	6.328	

Nhận xét :

- Hạng mục cụm nắp lò LF : Giá trị 225.000.000 đồng đã có biên bản nghiệm thu hàng hóa ngày 27/05/2015 và kết chuyển vào chi phí SCL.
- Hạng mục chống dột nhà xưởng, kho năm 2015 : Dự toán (chưa VAT) 659.632.253 đồng , quyết toán (chưa VAT) 645.576.557 đồng đã có biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 18/07/2015 và kết chuyển vào chi phí SCL.
- Hạng mục cải tạo cầu trục 5T-17,5m thành cầu trục 7,5T-21m : Đã có biên bản kiểm nghiệm ngày 23/6/2015 và biên bản bàn giao ngày 26/6/2015, đã kết chuyển vào chi phí SCL.
- Hạng mục SCL Cổ công buồng đốt CO: Giá trị 323.600.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT, đã có biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị ngày 03/08/2015 và kết chuyển vào chi phí SCL.
- Hạng mục SCL mô tơ móc lớn cầu trục 60T PXL: Giá trị 141.390.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT, đã có biên bản nghiệm thu lắp đặt sử dụng ngày 01/11/2015 và kết chuyển vào chi phí SCL.
- Hạng mục xe lớn cầu trục 10T 2 dầm: Giá trị 410.000.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT, đã có biên bản nghiệm thu và giao nhận ngày 24/11/2015 và kết chuyển vào chi phí SCL.

02-C
TỶ
N
HÒA
(A)
ĐỒNG

- Hạng mục SC giá cán thô: Giá trị quyết toán 1.331.574.796 đồng chưa bao gồm thuế GTGT, đã có biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 29/12/2015 và kết chuyển vào chi phí SCL. Giá trị quyết toán vượt giá trị phê duyệt khoảng 181 triệu đồng.
- Hạng mục SC gia cố nhà xưởng cầu trục 50T và 20T PXL: Giá trị quyết toán 3.066.386.503 đồng chưa bao gồm thuế GTGT, đã có biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 29/12/2015 và kết chuyển 50% giá trị vào chi phí SCL, 50% giá trị còn lại đang treo chờ phân bổ trong năm 2016.

C. KIẾN NGHỊ

Trong năm 2015 mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp ngành thép cạnh tranh gay gắt trong điều kiện cung vượt cầu, nhưng Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực cố gắng đạt được hiệu quả cao trong SXKD rất đáng trân trọng.

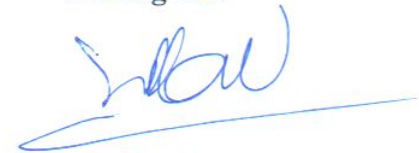
Tuy nhiên qua đó cũng còn một số vấn đề cần bổ sung để hiệu quả SXKD tốt hơn. Ban kiểm soát đề nghị :

- Tiếp tục thu hồi nợ của Công ty TNHH Hải Tín, DNTN Mười Thanh, công ty CP đầu tư XDMN.
- Tăng cường công tác quản lý thu mua thép phế liệu theo lô, công tác quản lý kho bãi, công tác đánh giá và phân loại chất lượng trong việc thu mua thép phế liệu.
- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm các chi phí sản xuất, rà soát giảm định mức tiêu hao, nhất là tiêu hao thép phế liệu và phối để giảm giá thành tăng lợi thế cạnh tranh.

Báo cáo này đã được tất cả các thành viên trong Ban Kiểm soát nhất trí thông qua.

TM.BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Nguyễn Phước Hải

